TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Thúy Ngọc

2/ Ông Nguyễn Thành Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 945/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐXX ST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Lê Đức T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Thành T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường A, Phường B quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Trần Lê Đức T1 trình bày: bà và ông Đỗ Thành T2 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2004, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C (giấy chứng nhận kết hôn số 44/2004, quyển số 01/P13, ngày 11/3/2004). Sau khi cưới cả hai về sống tại nhà gia đình vợ ở Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T2 thường

xuyên nhậu nhẹt về nhà hay la rầy, gây sự. Năm 2011, bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn ông T2 tại Tòa án nhân dân Tân Bình nhưng sau đó bà rút lại đơn yêu cầu để cho ông T2 cơ hội. Tuy nhiên, ông T2 vẫn không thay đổi, không quan tâm chăm sóc cho vợ con nên bà nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà T1 khai bà và ông T2 có 02 con chung là Đỗ Trần Việt N sinh ngày 12/10/2001 và Đỗ Cao D, sinh ngày 18/02/2003. Con chung Đỗ Cao D bị bệnh từ nhỏ, không đi học, không thể tự chăm sóc được bản thân, hiện cả hai con đều do bà nuôi dưỡng. Ly hôn, bà T1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu trên.

Bị đơn - ông Đỗ Thành T2 vắng mặt không lý do

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu :

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng : từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn bà Trần Lê Đức T1 có đơn yêu cầu ly hôn ông Đỗ Thành T2. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[2] Về tư cách tố tụng: căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Trần Lê Đức T1, bị đơn là ông Đỗ Thành T2 .

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do ông T2 trú tại quận Tân Bình nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn với bị đơn :

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: nguyên đơn khai có hai con chung là Đỗ Trần Việt N sinh ngày 12/10/2001 và Đỗ Cao D, sinh ngày 18/02/2003. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do. Đối với cháu Đỗ Trần Việt N có ý kiến nguyện vọng thì nếu ba mẹ không chung sống với nhau thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Đối với cháu Đỗ Cao D bị bệnh từ nhỏ, là đối tượng nhận bảo trợ xã hội (khuyết tật mức độ nặng) của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/01/2014, hiện nay nguyên đơn đang là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Do đó, xét thấy yêu cầu nuôi cả hai con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 68; khoản 3 Điều 144 ; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 207; khoản 1,

khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II D mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lê Đức T1 được ly hôn ông Đỗ Thành T2.

Về quan hệ con chung: giao cho bà Trần Lê Đức T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Đỗ Trần Việt N, sinh ngày 12/10/2001 và Đỗ Cao D, sinh ngày 18/02/2003. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đỗ Thành T2 do bà T1 không yêu cầu.

Ông T2 được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân , tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Lê Đức T1 nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006936 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Như Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân phường B, quận C, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.